

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023
của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới,
nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp
xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (viết tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra Chương trình thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH

1. Thời gian qua, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đạt được nhiều thành tựu quan trọng, kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, đời sống của người dân ngày càng được nâng lên, nhất là người dân sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các dịch vụ xã hội cơ bản như: Việc khám, chữa bệnh ở các cơ sở y tế; chế độ ưu đãi về giáo dục - đào tạo; vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh; các công trình cầu, đường, lộ giao thông nông thôn,... từng bước được bao phủ và hoàn thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được chú trọng góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, giải quyết tốt an sinh xã hội.

Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách trợ cấp, trợ giúp và công tác thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Lễ, Tết hàng năm cho các đối tượng yếu thế; giải quyết cơ bản tình trạng hồ sơ xác nhận người có công tồn đọng; phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" được quan tâm, góp phần nâng cao đời sống vật và tinh thần người có công, quan tâm triển khai các chính sách hỗ trợ về nhà ở từ nguồn ngân sách và xã hội hóa. Mặc dù nguồn lực của tỉnh còn hạn chế, nhưng vẫn có sự ưu tiên thực hiện các chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội; qua đó, tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm trên 2%, vượt mục tiêu đề ra, đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

2. Tuy nhiên, chính sách xã hội vẫn còn một số hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của tỉnh. Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo cao, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp; đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các dịch vụ xã hội cơ bản chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy mô nhỏ, ngành nghề đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị; công tác phân luồng, tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chưa đạt kế hoạch đề ra. Năng lực, chất lượng y tế cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong ứng phó với dịch bệnh. Việc thực hiện chính sách nhà ở cho người nghèo, người có công với cách mạng vẫn còn là vấn đề phải tiếp tục quan tâm; tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch còn thấp.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do nhận thức của một số ít cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của chính sách xã hội từng lúc, từng nơi chưa đầy đủ, toàn diện; chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện. Công tác dự báo, nắm nhu cầu đào tạo lao động có chuyên môn kỹ thuật cao chưa thường xuyên, đầy đủ, chưa kịp thời xác định nhu cầu đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Nhu cầu nguồn lực để thực hiện các chính sách an sinh xã hội khá lớn so với điều kiện khó khăn của tỉnh, nhất là việc chăm lo, hỗ trợ cho đối tượng yếu thế.

II. QUAN ĐIỂM

1. Chính sách xã hội là chính sách chăm lo cho con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực để tỉnh phát triển bền vững; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị tỉnh Hậu Giang; thể hiện đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước ta; tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm chính sách xã hội; tạo điều kiện để người dân được thụ hưởng thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển của tỉnh, của đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội bền vững của tỉnh; giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân hoá xã hội, bảo đảm an sinh cho người dân trong quá trình phát triển.

3. Đầu tư cho chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển. Chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh trong từng thời kỳ, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng;

kết hợp nguồn nội lực và ngoại lực. Đổi mới công tác quản lý nhà nước; tăng cường phân cấp, phân quyền; tăng cường hợp tác, trao đổi trong xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia.

4. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, giám sát của các cơ quan dân cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tỉnh; động viên sự tham gia tích cực của nhân dân, doanh nghiệp; khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường; phát huy truyền thống tương thân tương ái, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Triển khai chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin, nước sạch và vệ sinh môi trường. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Bảo đảm 100% người có công và thân nhân người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp chung 2,59%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 2,01%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%; phấn đấu khoảng 49% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và khoảng 39% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện trợ cấp, có nhu cầu đều được trợ cấp xã hội hàng tháng và các chính sách hỗ trợ kèm theo; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 1%/năm.

Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 4 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 98%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%; Tỉnh duy trì, củng cố, nâng chất

xóa mù chữ mức độ 2. Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75,5 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm trung bình trong khu vực; 41 giường bệnh viện, 12 bác sĩ, 4 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 98%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

Quan tâm xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; phấn đấu diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt mức toàn quốc, khoảng 30 m² sàn/người. 100% hộ gia đình ở thành thị và 95% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

Có ít nhất 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hoá, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Triển khai hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho người dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển tỉnh và xây dựng con người Hậu Giang toàn diện. Hậu Giang nằm trong nhóm các tỉnh có chỉ số phát triển con người (HDI) cao so với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và mức trung bình khá so cả nước.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Quán triệt, tuyên truyền, sâu rộng những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 42-NQ/TW cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của con người Hậu Giang, với các đặc trưng “Yêu nước, Đoàn kết, Nghĩa tình, Năng động, Bản lĩnh, Trí tuệ”, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời khen thưởng,

tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Tiếp tục triển khai tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh. Ban hành và triển khai hiệu quả, kịp thời các cơ chế đặc thù của tỉnh trong việc hỗ trợ tạo việc làm; đào tạo nghề cho lao động tại doanh nghiệp; hỗ trợ giảm nghèo, trong đó ưu tiên hộ không có khả năng thoát nghèo, hộ nghèo, cận nghèo có thành viên đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội; khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo do phát sinh khó khăn đột xuất. Thực hiện phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận chính sách xã hội.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, con người thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường vai trò giám sát của nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của người dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội hoá, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội. Tăng cường hợp tác, trao đổi trong xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Thực hiện chi trả đúng, đủ và kịp thời các chế độ chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người ở vùng sâu, vùng xa, người gặp khó khăn trong cuộc sống; quan tâm

giải quyết chính sách đối với con của người có công với cách mạng được hưởng chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo; ưu tiên giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp, thực hiện chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ nhà ở và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Tổ chức động viên, khai thác nguồn tin, tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ, tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; rà soát kiện toàn hồ sơ, danh sách liệt sĩ, sơ đồ mộ liệt sĩ; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp về liệt sĩ, mộ liệt sĩ; lập bản đồ tìm kiếm và cung cấp thông tin cho thân nhân, gia đình liệt sĩ. Chú trọng công tác tổ chức tìm kiếm hài cốt liệt sĩ ở các khu vực, điểm mộ đã có thông tin; kết hợp chặt chẽ việc cung cấp thông tin với tìm kiếm, quy tập, giám định ADN xác định danh tính liệt sĩ. Cân đối một phần ngân sách nhà nước kết hợp với các nguồn vận động xã hội hóa để tập trung xây dựng, tu bổ, tôn tạo các phần mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong thực hiện các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”: Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc người có công với cách mạng và phong trào “Toàn dân chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”, ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” nhằm góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi của tỉnh, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư. Phát triển và hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế các cấp; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, chất lượng cao. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục, đào tạo; nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục. Thực hiện đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục

nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn, tay nghề cao, lao động ngành kỹ thuật, dịch vụ và công nghiệp; đào tạo lao động chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp trong quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Quan tâm giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ.

Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thực hiện số hóa. Tăng cường kết nối cung - cầu lao động. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về người lao động kết nối thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cao năng lực phân tích, dự báo thị trường lao động. Tăng cường giao dịch việc làm trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung cầu, rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động. Phát huy, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, nhất là tổ chức tốt các sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như: tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Tiếp tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026 - 2030, chú trọng phát triển các thị trường có thu nhập cao, việc làm ổn định nhằm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và tạo nhiều cơ hội việc làm bền vững cho người lao động và xây dựng chính sách hỗ trợ du học sinh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2024 - 2030 nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển 4 trụ cột của tỉnh Hậu Giang.

Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, nhất là tại các khu công nghiệp tập trung; đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động; hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm. Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến người lao động và doanh nghiệp; nhất là chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Thực hiện đa dạng hóa hình thức thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong hệ thống an sinh xã hội; tuyên truyền nghĩa vụ và quyền lợi của người dân tham gia; phát hiện, phản ánh những bất cập của chính sách và quá trình thực hiện chính sách ở địa phương, cơ sở; biểu dương, động viên kịp thời các đơn vị, cá nhân có mô hình hay trong thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện; có chính sách hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; tuyên truyền, vận động người dân hạn chế việc làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội một lần ảnh hưởng đến quyền lợi lâu dài, đảm bảo an sinh xã hội.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; Chính sách bảo hiểm thất nghiệp phải hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Căn cứ tình hình ngân sách của tỉnh nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, an sinh xã hội quốc gia; ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

Về giáo dục: Phát triển toàn diện, bền vững giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm xây dựng nền tảng giáo dục thông minh, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 4 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 14/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Về y tế: Phát triển và hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế các cấp; bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao tầm vóc, thể lực người dân Hậu Giang; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế. Thực hiện Chương trình phát triển y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe. Nâng cao chất lượng dân số và dịch vụ y tế, tăng khả năng tiếp cận, cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản và chăm sóc người cao tuổi.

Về phát triển văn hoá: Thực hiện môi trường văn hóa đổi mới, sáng tạo, lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc, văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số. Xây dựng nền văn hóa Hậu Giang chủ động trong hội nhập và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chú trọng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hậu Giang.

Về thông tin: Triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập hệ thống thông tin cơ sở cung cấp thông tin cho người dân vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tăng cường cải tiến, nâng cao chất lượng các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân tiếp cận thông tin.

Về nhà ở: Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên. Tù theo nguồn lực của tỉnh có chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho một số đối tượng khó khăn; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

Về nước sạch, vệ sinh môi trường: Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp đủ mạnh để ngăn ngừa, giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là tại các đô thị lớn, khu vực nông thôn. Tăng cường nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu dân cư, nhất là khu vực nông thôn. Tăng cường tuyên truyền vận động, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ giải pháp để thực hiện tốt Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Xây dựng và triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ

chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Thực hiện chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Nâng cấp, mở rộng quy mô nuôi dưỡng, chăm sóc điều trị các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; bổ sung chức năng để chuyển đổi, sáp nhập một số cơ sở thành cơ sở trợ giúp xã hội đa năng.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tích cực tham gia, đóng góp xây dựng các định hướng hợp tác trong nước, ngoài nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các cơ chế hợp tác đa phương mới liên quan đến việc làm, an sinh xã hội và các chính sách xã hội khác; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyên giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và cả nước, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu,...

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về chính sách xã hội. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về chính sách xã hội, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa địa phương và các ban, bộ, ngành Trung ương.

Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia giám sát thực hiện chính sách xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong hệ thống chính trị tỉnh tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình này cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị về thực hiện chính sách xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân; chủ động xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa nhiệm vụ của địa phương, đơn vị thực hiện Chương trình và Nghị quyết số 42-NQ/TW bảo đảm phù hợp, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, khen thưởng, biểu dương đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách để thực hiện chính sách xã hội khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình của Tỉnh ủy, sớm đưa nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW đi vào cuộc sống; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách an sinh xã hội trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết. Thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành; tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển về chính sách xã hội; tăng cường giám sát, phản biện quá trình thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình của Tỉnh ủy tại các địa phương, đơn vị.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình của Tỉnh ủy trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên. Tham mưu Tỉnh ủy tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương về hướng dẫn tổ chức, nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Nghiêm Xuân Thành

